

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HS-ST
Ngày 28 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Gia Khải

Bà Phạm Thị Loan

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Chu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hải L, sinh ngày 13/02/1992, tại xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 17/QĐ-TA ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thời hạn 01 năm 09 tháng, chấp hành xong ngày 25/8/2021; bị bắt tạm giam từ ngày 29/02/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình (có mặt).

Bị hại: Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

Người có quyền lợi liên quan: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (có mặt)

Người làm chứng:

- Anh Trịnh Công M, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1968; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã L, huyện Đ; nơi tạm trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 03 giờ ngày 12/11/2023, Nguyễn Hải L điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave Alpha màu xanh, đeo biển kiểm soát 17K5-5152 từ nhà sang

xã C, huyện Q tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi L mang theo 01 đèn pin và 01 bật lửa ga, trên đường L nhặt thêm 01 bao tải. Đến khu vực sân vận động xã C, huyện Q, L thấy 01 nhà đang xây dựng, cửa nhà đối diện sân vận động (sau biết là nhà bà Đặng Thị H1); quan sát thấy nhà chưa lắp cửa, chưa xây tường bao, không có người trông coi, L dựng xe mô tô ở mép đường trước sân vận động, cách nhà bà H1 khoảng 50 mét, cầm bao tải đi vào trong nhà. L bật đèn pin thấy tường nhà chưa trát, ở một số vị trí hệ thống dây điện được luồn trong ống nhựa xoắn màu trắng, hình trụ tròn chôn vào tường, mỗi ống luồn 02 hoặc 04 dây điện, ở các đầu ống dây điện thò ra khoảng 15-20cm, chưa đầu nối vào thiết bị nào. L lần lượt rút toàn bộ dây điện ở 05 phòng, được 173 mét dây điện Trần P loại VCm-Đơn 1x4.00mm và 100 mét dây điện Trần Phú loại VCm-Đơn 1x2.5mm (có màu xanh và đỏ). L cho toàn bộ số dây điện trộm cắp được vào trong bao tải, bê ra để ở giá để hàng giữa xe mô tô, điều khiển xe đến bãi rác xã Q, huyện Q, dùng bật lửa đốt những đoạn dây điện ngắn từ 4-5 mét để lấy dây đồng. Khoảng 07 giờ cùng ngày, L đi đến xã A, huyện Q vào cửa hàng thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị M1 bán cho bà M1 04 kg dây đồng được 600.000 đồng; đến cửa hàng mua bán, sửa chữa đồ điện “Minh Huế” của anh Trịnh Công M bán toàn bộ số dây điện cho anh M được 1.000.000 đồng. Số tiền trên L đã chi tiêu cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐDGTS, ngày 26/02/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Dây điện Trần P loại VCm-Đơn 1x4.00mm, chiều dài 173 mét định giá tại thời điểm ngày 12/11/2023 có giá trị 2.179.800 đồng; Dây điện Trần Phú loại VCm-Đơn 1x2.5mm, chiều dài 100 mét định giá tại thời điểm ngày 12/11/2023 có giá trị 853.333 đồng, tổng giá trị tài sản là 3.033.133 đồng (*ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn một trăm ba mươi ba đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả. Bị cáo nhất trí kết luận của Hội đồng định giá tài sản về trị giá tài sản bị cáo đã lấy của nhà bà H1.

Lời khai của bị hại là bà Đặng Thị H1 có trong hồ sơ vụ án có nội dung: Ngày 12/11/2023, bà bị mất trộm 173 mét dây điện Trần P loại VCm-Đơn 1x4.00mm và 100 mét dây điện Trần P loại VCm-Đơn 1x2.5mm đã được lắp vào ống nhựa tường nhà bà đang xây dựng. Bà đã nhận được tiền bồi thường từ ông Nguyễn Văn D (bố đẻ bị cáo) là 3.100.000 đồng, bà không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án: Bà Nguyễn Thị M1 và anh Trịnh Công M xác nhận, ngày 12/11/2023, bà M1 có mua của bị cáo L 04 kg lõi đồng giá 600.000 đồng; anh M có mua của bị cáo L tổng cộng 250m dây điện giá 1.000.000 đồng, sau đó bà M1 và anh M đã bán tài sản trên cho khách hàng khác không nhớ cụ thể; khi mua, bà M1 và anh M không biết đây là tài sản bị cáo trộm cắp mà có; ông bà không có yêu cầu giải quyết vấn đề gì về trách nhiệm dân sự.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKSQP ngày 15/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Hải L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo tù 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/02/2024; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, còn đề nghị về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như nội dung cáo trạng, phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại; lời khai của những người làm chứng. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác định hiện trường; sơ đồ nơi xảy ra vụ việc; biên bản làm việc đo chiều dài dây điện được thiết kế, lắp đặt tại nhà bà Đặng Thị H1; bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 04 giờ ngày 12/11/2023, lợi dụng việc chủ sở hữu không trông coi tài sản, Nguyễn Hải L đã vào nhà đang xây dựng của bà Đặng Thị H1 ở thôn Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình, lấy đi 173 mét dây điện Trần P loại VCm-Đơn 1x4.00mm và 100 mét dây điện Trần Phú loại VCm-Đơn 1x2.5mm, tổng giá trị tài sản là 3.033.133đ (*ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn một trăm ba mươi ba đồng*). Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

...

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố và kết luận bị cáo Nguyễn Hải L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Lợi dụng sự sơ hở trong việc trông coi tài sản, bị cáo đã vào nhà của bà Đặng Thị H1 đang xây dựng trộm cắp dây điện đã được luồn vào hệ thống ống nhựa trong tường nhà có tổng giá trị 3.033.133 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Năm 2019, bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 01 năm 9 tháng, đây là tình tiết cần xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt chính và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo đã phân tích trên, thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung, như mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp không thu hồi được, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ giá trị tài sản cho bị hại. Bà Đặng Thị H1 đã nhận từ ông Nguyễn Văn D (bố đẻ bị cáo) số tiền 3.100.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản nào khác, cần ghi nhận. Ông D không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ hoàn trả của bị cáo đối với số tiền bồi thường trên, do đó không đặt ra giải quyết.

[8] Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị M1 và anh Trịnh Công M là người đã mua tài sản do bị cáo trộm cắp, nhưng bà M1 và anh M không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, do đó Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà M1 và anh M là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng: Đèn pin, bật lửa, bao tải bị cáo sử dụng để trộm cắp tài sản bị cáo đã vứt bỏ, Cơ quan điều tra không quản lý được; chiếc xe mô tô kiểu dáng

Wave Alpha màu xanh đeo biển kiểm soát 17K5-5152 bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản, kết quả điều tra xác định số khung, số máy đã bị tẩy xóa, không đủ điều kiện kết luận số khung, số máy nguyên thủy, tra cứu thông tin biển kiểm soát 17K5-5152 đã đăng ký thông tin của một xe mô tô có thông số kỹ thuật khác, do đó Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra xử lý là có căn cứ.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Hải L **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 02 năm 2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn D (bố đẻ bị cáo) đã bồi thường đủ toàn bộ thiệt hại thay bị cáo cho bị hại là bà Đặng Thị H1 số tiền 3.100.000đ (*ba triệu một trăm nghìn đồng*).

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Hải L phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THAHS CA huyện Quỳnh Phụ;
- Nhà tạm giữ CA huyện Quỳnh Phụ;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Liên